UBND TỈNH LẠNG SƠN
SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 693 /TTr-SNNMT

Lạng Sơn, ngày 27 tháng 11 năm 2026

TỜ TRÌNH
Cấp giấy phép môi trường của dự án Nhà máy Nhiệt điện Na Dương II

Kính gửi: Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Lạng Sơn.

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17/11/2020; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 15 Luật trong lĩnh vực Nông nghiệp và Môi trường ngày 11/12/2025;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 và Nghị định số 48/2026/NĐ-CP ngày 29/01/2026;

Căn cứ Nghị quyết số 66.19/2026/NQ-CP ngày 18/5/2026 của Chính phủ về cắt giảm, phân quyền, đơn giản hóa thủ tục hành chính và cắt giảm, đơn giản hóa điều kiện kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Nông nghiệp và Môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28/02/2025, Thông tư số 07/2025/TT-BNNMT ngày 16/6/2025 và Thông tư số 09/2026/TT-BNNMT ngày 29/01/2026;

Căn cứ Quyết định số 686/QĐ-UBND ngày 18/3/2025 của Uỷ ban nhân dân tỉnh về việc ủy quyền cho Sở Nông nghiệp và Môi trường thực hiện một số nhiệm vụ, quyền hạn của Uỷ ban nhân dân tỉnh trong lĩnh vực bảo vệ môi trường;

Căn cứ Quyết định số 734/QĐ-UBND ngày 22/4/2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lạng Sơn quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Lạng Sơn; được sửa đổi một số điều bởi Quyết định số 1725/QĐ-UBND ngày 15/9/2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lạng Sơn;

Xem xét Công văn số 2030/ĐLTKV-AT ngày 26/11/2026 của Tổng Công ty Điện lực TKV- CTCP về việc hoàn thiện hồ sơ và đề nghị cấp giấy phép môi trường của dự án Nhà máy Nhiệt điện Na Dương II và hồ sơ báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của dự án kèm theo; nộp trực tuyến trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính ngành Nông nghiệp và Môi trường ngày 26/11/2026.

Sở Nông nghiệp và Môi trường báo cáo và trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân (UBND) tỉnh như sau:

I. KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH

1. Dự án Nhà máy Nhiệt điện Na Dương II, địa điểm thực hiện tại xã Na Dương và xã Lợi Bác, tỉnh Lạng Sơn do Tổng Công ty Điện lực TKV- CTCP, làm chủ đầu tư. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh mã số doanh nghiệp số: 0104297034; cấp lần đầu ngày 07/12/2009; đăng ký thay đổi lần thứ 7 ngày 06/01/2022. Dự án được UBND tỉnh Lạng Sơn chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời chấp thuận nhà đầu tư tại Quyết định số 619/QĐ-UBND ngày 01/4/2024. Theo đó quy mô của Dự án đầu tư đã được phê duyệt chủ trương đầu tư gồm: tổng diện tích đất sử dụng của Nhà máy nhiệt điện Na Dương II là 11,0491 ha (chưa bao gồm bãi xỉ) trong đó 10,0950 ha là phần sử dụng lâu dài, 0,9541 ha là phần sử dụng tạm thời phục vụ thi công dự án. Quy mô công suất của Dự án: gồm 01 tổ máy với công suất 110MW. Tổng vốn đầu tư 4.089 tỷ đồng. Dự án đã được UBND tỉnh Lạng Sơn phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường tại Quyết định số 1120/QĐ-UBND ngày 10/8/2013 với công suất 110 MW.

2. Dự án thuộc loại hình sản xuất có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường với công suất trung bình theo quy định tại mục 8.I Phụ lục II Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 và Nghị định số 48/2026/NĐ-CP ngày 29/01/2026 của Chính phủ *(Nhiệt điện than, công suất dưới 600 MW)*. Dự án có tiêu chí môi trường như dự án đầu tư nhóm II *(theo phụ lục IV, mục I.1: Dự án thuộc loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường với công suất trung bình quy định tại Cột 4 Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định này)*, theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 và Nghị định số 48/2026/NĐ-CP ngày 29/01/2026 của Chính phủ. Theo hồ sơ đề xuất cấp Giấy phép môi trường, dự án phát sinh khi đi vào hoạt động phát sinh tổng lưu lượng khí thải lớn nhất là 560.850 m^3/giờ. Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 39 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 được sửa đổi, bổ sung tại khoản 9 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 15 luật trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường; điểm a khoản 1 mục VII Phụ lục A Nghị quyết số 66.19/2026/NQ-CP của Chính phủ dự án thuộc đối tượng phải có Giấy phép môi trường *(Dự án đầu tư, cơ sở thuộc một trong các loại hình sau đây khi đi vào vận hành có tổng lưu lượng nước thải công nghiệp xả ra môi trường phải được xử lý từ 100 m^3/ngày trở lên* ***hoặc tổng lưu lượng khí thải xả ra môi trường phải được xử lý từ 100.000 m^3/giờ trở lên****:... Nhiệt điện than)*.

Về thời điểm nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép môi trường: Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 18b Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường (được bổ sung bởi Điều 10 Thông tư số 09/2026/TT-BNNMT ngày 29/01/2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường), Chủ dự án đầu tư thuộc đối tượng phải thực hiện đánh giá tác động môi trường có thể nộp hồ sơ đề nghị cấp giấy phép môi trường sau khi đã hoàn thành toàn bộ dự án hoặc phân kỳ đầu tư của dự án hoặc **công trình, hạng mục công**

trình có phát sinh chất thải và các công trình bảo vệ môi trường kèm theo. Cụ thể gồm các hạng mục: i) Lò hơi và thiết bị phụ trợ: Lò hơi tầng sôi tuần hoàn (CFB); Hệ thống khí nén; Hệ thống cấp dầu nhiên liệu; ii) Tuabin - Máy phát và thiết bị phụ trợ: Tuabin hơi; Máy phát điện; Hệ thống nước làm mát tuần hoàn; Hệ thống cấp nước thô và xử lý nước sơ bộ; Hệ thống xử lý nước khử khoáng; iii) Hệ thống điện và thiết bị phụ trợ: Hệ thống Máy biến áp; Hệ thống phụ trợ.

- Thẩm quyền cấp giấy phép môi trường của dự án thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 41 Luật Bảo vệ môi trường được sửa đổi, bổ sung tại Khoản 11 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 15 Luật trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường.

- Cấu trúc và nội dung Báo cáo đề xuất cấp Giấy phép môi trường của dự án thực hiện theo mẫu số 22b của Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 09/2026/TT-BNNMT ngày 29/01/2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

- Việc thẩm định cấp giấy phép môi trường của dự án thông qua Đoàn kiểm tra theo quy định tại điểm c khoản 5 Điều 18b Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT được bổ sung bởi Điều 10 Thông tư số 09/2026/TT-BNNMT.

3. Ngày 11 tháng 11 năm 2026, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường ban hành Quyết định số 782/QĐ-SNNMT về việc thành lập Đoàn kiểm tra cấp giấy phép môi trường dự án Nhà máy Nhiệt điện Na Dương II. Đoàn kiểm tra tổ chức kiểm tra và họp vào ngày 19/11/2026. Trên cơ sở kết quả kiểm tra, Sở Nông nghiệp và Môi đã ban hành Công văn số 7285/SNNMT-QLMT ngày 21/11/2026 về việc hoàn thiện hồ sơ đề nghị cấp giấy phép môi trường của dự án Nhà máy Nhiệt điện Na Dương II.

4. Ngày 26/11/2026, Tổng Công ty Điện lực TKV- CTCP nộp hồ sơ đã chỉnh sửa, bổ sung kèm theo Công văn số 2030/ĐLTKV-AT ngày 26/11/2026 về việc hoàn thiện hồ sơ và đề nghị cấp giấy phép môi trường của dự án Nhà máy Nhiệt điện Na Dương II và hồ sơ báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của dự án kèm theo; nộp trực tuyến trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính ngành Nông nghiệp và Môi trường, trong đó đã giải trình các nội dung chỉnh sửa, bổ sung đảm bảo theo yêu cầu.

5. Chủ dự án không đề nghị thời hạn của Giấy phép môi trường ngắn hơn thời hạn quy định; căn cứ quy định tại điểm c khoản 4 Điều 40 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, thời hạn của giấy phép cấp cho dự án là 10 năm.

6. Hồ sơ đủ điều kiện cấp giấy phép môi trường theo quy định.

II. NỘI DUNG TRÌNH

Từ kết quả thẩm định nêu trên, Sở Nông nghiệp và Môi trường kính trình Chủ tịch UBND tỉnh như sau:

1. Cấp phép cho Tổng Công ty Điện lực TKV- CTCP (có địa chỉ tại Tầng 16, tòa nhà Vinacomin, số 3 Dương Đình Nghệ, phường Yên Hòa, thành phố Hà Nội) được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của dự án Nhà máy Nhiệt điện Na Dương II tại xã Na Dương và xã Lợi Bác, tỉnh Lạng Sơn với các nội dung như sau:

1.1. Thông tin chung của dự án:

a) Tên dự án: Nhà máy Nhiệt điện Na Dương II

b) Địa điểm hoạt động: xã Na Dương và xã Lợi Bác, tỉnh Lạng Sơn.

c) Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần mã số doanh nghiệp: 0104297034 đăng ký lần đầu ngày 07/12/2009, đăng ký thay đổi lần thứ 9 ngày 10/10/2025. Nơi cấp: Sở Tài chính thành phố Hà Nội.

d) Mã số thuế: 0104297034.

đ) Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Sản xuất và kinh doanh điện (nhà máy nhiệt điện sử dụng nhiên liệu chính là than; sử dụng đá vôi để khử lưu huỳnh).

e) Phạm vi, quy mô, công suất của dự án:

- Tổng diện tích của dự án tại thời điểm cấp Giấy phép môi trường: 11,0491 ha.

- Dự án có tiêu chí về môi trường như dự án đầu tư nhóm II theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ và Nghị định số 48/2026/NĐ-CP ngày 29/01/2026 của Chính phủ.

- Quy mô: Dự án có quy mô tương đương dự án nhóm B (phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công).

- Công suất: 01 tổ máy với tổng công suất 110MW.

- Các hạng mục (đã lắp đặt, xin cấp phép lần này) gồm: i) Lò hơi và thiết bị phụ trợ: Lò hơi tầng sôi tuần hoàn (CFB); Hệ thống khí nén; Hệ thống cấp dầu nhiên liệu; ii) Tuabin - Máy phát và thiết bị phụ trợ: Tuabin hơi; Máy phát điện; Hệ thống nước làm mát tuần hoàn; Hệ thống cấp nước thô và xử lý nước sơ bộ; Hệ thống xử lý nước khử khoáng; iii) Hệ thống điện và thiết bị phụ trợ: Hệ thống Máy biến áp; Hệ thống phụ trợ.

- Tóm tắt quy trình sản xuất: Hỗn hợp than + đá vôi → Lò hơi (lò hơi tầng sôi tuần hoàn) → Hơi nước áp suất cao → Tuabin → Máy phát điện → Sân phân phối → Lưới điện quốc gia.

1.2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo:

a) Thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với thu gom, xử lý nước thải quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép môi trường này.

b) Được phép xả khí thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép môi trường này.

c) Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép môi trường này.

d) Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép môi trường này.

đ) Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 5 ban hành

kèm theo Giấy phép môi trường này.

2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Tổng Công ty Điện lực TKV-CTCP

2.1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.

2.2. Tổng Công ty Điện lực TKV-CTCP có trách nhiệm:

a) Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

b) Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép môi trường này và phải dừng ngay việc xả nước thải, khí thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

c) Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

d) Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

đ) Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép.

3. Thời hạn của Giấy phép: 10 năm, kể từ ngày ký.

4. Giao Sở Nông nghiệp và Môi trường, Ủy ban nhân dân xã Na Dương, Ủy ban nhân dân xã Lợi Bác tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với Dự án được cấp phép theo quy định của pháp luật.

(Có dự thảo Giấy phép kèm theo)

Sở Nông nghiệp và Môi trường kính trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- Trung tâm PVHCC tỉnh Lạng Sơn;
- Lãnh đạo Sở;
- Văn phòng Sở;
- Văn phòng Đăng ký đất đai (đăng Website);
- Tổng Công ty Điện lực TKV-CTCP [1];
- Lưu: VT, MTKS.

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

CỘNG HÒA X.H.C.N VIỆT NAM
SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG
TỈNH LẠNG SƠN

Triệu Đức Minh

[1] Địa chỉ trụ sở chính: Tầng 16, tòa nhà Vinacomin, số 3 Dương Đình Nghệ, phường Yên Hòa, thành phố Hà Nội